

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: **70/2022/HS-PT**

Ngày: 08/9/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Việt Hùng;

Các thẩm phán: Ông Ngô Chịu và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại T sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Đ V T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2022/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ X, tỉnh Phú Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Đ V T (Tên gọi khác: H), sinh năm 1981 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ V N, sinh năm 1950 và bà P T Đ, sinh năm 1954; có vợ và 03 con (Lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014); tiền án: Không, tiền sự: Ngày 04/3/2019, bị C an xã An Cư, huyện Tuy An xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc (Chấp hành xong ngày 04/3/2019; nhân thân: Ngày 14/6/2016, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 04/7/2019. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. L T N C (Tên gọi khác: Ph), sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh B Đh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L V T (đã chết) và bà T T N, sinh năm 1950; có chồng đã ly hôn và 01 con (Sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/10/2015, bị C an huyện Tuy An xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Ngày 08/8/2017, bị C an huyện Tuy An xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về

hành vi Đánh bạc. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 01/6/2019. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. V K T (Tên gọi khác: C), sinh năm 1980 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Đ X, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V T, sinh năm 1937 và bà N T M (chết); có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Ngày 24/7/2017, bị TAND huyện Đ X xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (Chấp hành xong ngày 24/4/2018), tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/6/2019, bị TAND huyện Đ X xử phạt 06 tháng tù giam về tội Đánh bạc (Chấp hành xong ngày 12/02/2020). Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. T V C (Tên gọi khác: Lượm), sinh năm 1987 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố L C, thị trấn L H, huyện Đ X, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T P, sinh năm 1959 và bà N T L, sinh năm 1963; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/5/2018, bị C an thị trấn La Hai, huyện Đ X xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (Chấp hành xong ngày 05/5/2018). Ngày 28/6/2019, bị TAND huyện Đ X xử phạt 06 tháng tù giam về tội Đánh bạc (chấp hành xong ngày 16/01/2020). Bị bắt tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 01/6/2019. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. L V P, sinh năm 1976 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã Xuân Q 3, huyện Đ X, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Xuân, sinh năm 1940 và bà Trần Thị Thanh, sinh năm 1945; có vợ và 02 con (Lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006); tiền án: Ngày 04/10/2017, bị TAND huyện Đ X xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (Chấp hành xong ngày 04/7/2018), tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 04/7/2019. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo L V P, L V P, H N L, N V L, T V Q, N P A K, P T B, T K H, N D Đnhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/5/2019 đến 01 giờ 00 phút ngày 23/5/2019, tại khu vực núi Hòn Chùa thuộc thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đ X, tỉnh Phú Yên, L V P đã có hành vi tổ chức cho Đ V T, L V P, T V C, V K T, L T N C, P T B, Huỳnh Thị Th, H N L, N V L, N P A K, T V Q, Nguyễn Duy Đ, T K H và D

L đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.810.000 đồng. Trong đó, số tiền tham gia đánh bạc của từng bị cáo cụ thể như sau:

H khi đi đánh bạc mang theo số tiền 6.500.000 đồng, tại sòng bạc H trả nợ cho K số tiền 1.000.000 đồng, thu tiền xâu của các đối tượng đến đánh bạc số tiền 1.100.000 đồng và sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang H thua hết 1.100.000 đồng, tạm giữ trên người H số tiền 5.500.000 đồng.

T khi đi đánh bạc mang theo số tiền 33.353.000 đồng, sử dụng 2.200.000 đồng để đánh bạc, đưa tiền xâu 100.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, T thua hết số tiền 2.200.000 đồng, tạm giữ trên người T số tiền 31.053.000 đồng.

P1 khi đi đánh bạc mang theo số tiền 1.400.000 đồng và sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc P1 thua 100.000 đồng. Khi bắt quả tang thì giữ trên người P1 số tiền 1.300.000 đồng.

C khi đi đánh bạc mang theo số tiền 220.000 đồng và sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc và thua hết 100.000 đồng. Khi bắt quả tang, tạm giữ trên người C số tiền 120.000 đồng.

L khi đi đánh bạc mang theo số tiền 4.285.000 đồng, trong thời gian đánh bạc bán nước, thuốc lá được số tiền 247.000 đồng. L cho Đ số tiền 100.000 đồng, L còn lại số tiền 4.432.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, L thắng được 100.000 đồng, tạm giữ trên người L số tiền 4.532.000 đồng.

C khi đi đánh bạc mang theo số tiền 5.500.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, C thắng được 100.000 đồng và nhặt dưới sòng bạc số tiền 1.600.000 đồng. Khi bắt quả tang, tạm giữ trên người C số tiền 7.200.000 đồng.

Th khi đi đánh bạc mang theo số tiền 800.000 đồng, đến sòng bạc trả nợ cho L1 số tiền 500.000 đồng, còn lại 300.000 đồng, Th sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Th thua hết số tiền 300.000 đồng.

Q khi đi đánh bạc mang theo số tiền 700.000 đồng, đưa tiền xâu 100.000 đồng và sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, Q thua hết số tiền 600.000 đồng.

B khi đi đánh bạc mang theo số tiền 6.706.000 đồng, đưa tiền xâu 20.000 đồng và sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, B thua hết số tiền 150.000 đồng. Khi bắt quả tang, thu giữ trên người B số tiền 6.536.000 đồng.

L1 khi đi đánh bạc mang theo số tiền 2.800.000 đồng, đến sòng bạc được Th trả nợ số tiền 500.000 đồng nên L1 có tổng cộng 3.300.000 đồng và sử dụng 3.300.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, L1 thắng được 400.000 đồng. Khi bắt quả tang, tạm giữ trên người C số tiền 3.700.000 đồng.

T1 khi đi đánh bạc mang theo số tiền 400.000 đồng và sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T1 thua hết số tiền 400.000 đồng.

K khi đi đánh bạc mang không mang theo tiền nhưng tại sòng bạc K được H trả nợ 1.000.000 đồng và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, K thắng số tiền 1.610.000 đồng. Khi bắt quả tang, thu giữ trên người K số tiền 2.610.000 đồng.

Đ khi đi đánh bạc mang không mang theo tiền, chỉ đứng xem đánh bạc và được L cho số tiền 100.000 đồng. Trong lúc đứng xem đánh bạc, L đưa cho Đ đặt tiền 04 ván với tổng số tiền 2.000.000 đồng. Khi bắt quả tang, thu giữ trên người Đ số tiền 100.000 đồng.

L khi đi đánh bạc mang mang theo số tiền 300.000 đồng và sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, không thắng, không thua.

Đối với T K H: Quá trình điều tra không thừa nhận tham gia đánh bạc, tại phiên tòa đã thừa nhận vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/5/2019 có đến khu vực núi Hòn Chùa thuộc. thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đ X, tỉnh Phú Yên để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, do L V P tổ chức. Mục đích đi bắn gà rừng, nhưng khi thấy mọi người đang đánh bạc thì vào xem vào có đặt 2 ván, mỗi ván đặt 50.000 đồng, thua hết 100.000 đồng, sau đó tự động ra về khi chưa bị phát hiện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 10/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ X, tỉnh Phú Yên đã tuyên các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P phạm tội đánh bạc.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ V T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 04/7/2019.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V K T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L V P 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 04/7/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T V C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 01/6/2019.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L T N C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 01/6/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với các bị cáo L V P, P T B, H N L, N V L, N P A K, T V Q, T K H, Nguyễn Duy Đ; phần xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/02/2022, bị cáo Đ V T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được xử phạt hình phạt chính bằng hình phạt tiền.

Ngày 17/02/2022, bị cáo L V P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/02/2022, bị cáo T V C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo L T N C kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo V K T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ V T bổ sung yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, các bị cáo T V C, L T N C, V K T, L V P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm tội quả tang và các T1 liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/5/2019 đến 01 giờ 10 phút ngày 23/5/2019, tại khu vực núi Hòn Chùa thuộc thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đ X, tỉnh Phú Yên, L V P đã có hành vi tổ chức cho Đ V T, L V P, T V C, V K T, L T N C, P T B, Huỳnh Thị Th, H N L, N V L, N P A K, T V Q, Nguyễn Duy Đ, T K H và Đào Duy L đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.810.000 đồng (số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 6.200.000 đồng, số tiền thu giữ trên người của các con bạc mà họ dùng sẽ tiếp tục đánh bạc là 9.610.000 đồng). Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn, trật tự C cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo. Xét kháng cáo của các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo của các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C đều có nhân thân xấu, bị cáo T và bị cáo C đều đã bị kết án về tội đánh bạc và đều đã bị xử lý hành chính về hành vi Đánh bạc; bị cáo L T N C đã nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học học sửa chữa lỗi lầm, lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo kém nên cần xử phạt nghiêm khắc. Khi lượng hình bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo C còn áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại Điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Đ V T 01 năm 03 tháng tù, T V C 09 tháng tù, L T N C 09 tháng tù và không cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[2.2] Đối với kháng cáo của các bị cáo L V P, V K T, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo P1, T1 đều đã bị kết án về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích; riêng bị cáo T1 còn bị xử lý hành chính về hành vi “Đánh bạc” lại tiếp tục thực hiện tội phạm cùng loại, chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo P1, T1 được hưởng và phải chịu để xử phạt các bị cáo L V P 01 năm tù, V K T 01 năm 03 tháng tù là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

*Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P –
Giữ nguyên bản án sơ thẩm;*

Tuyên bố: Các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P phạm tội “Đánh bạc”

1. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm Điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L T N C; áp dụng thêm Điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo L V P, V K T.

Xử phạt:

- Bị cáo Đ V T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 04/7/2019.

- Bị cáo V K T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo L V P01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 04/7/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo T V C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 01/6/2019.

- Bị cáo L T N C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 01/6/2019.

Phạt bổ sung các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đ V T, T V C, L T N C, V K T, L V P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện Đ X (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- C an huyện Đ X (1)
- Sở tư pháp (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

Nguyễn Việt Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND thị xã Đông Hòa (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- C an thị xã Đông Hòa (2)
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng

